

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2185 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1057/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 235/TTr-STC ngày 23 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2022. Cụ thể như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 30.005.000.000 đồng (ba mươi tỷ, không trăm lẻ năm triệu đồng).

2. Nguồn thực hiện: ?

a) Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022: 26.091.000.000 đồng.



b) Nguồn vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: 3.914.000.000 đồng.

3. Chi tiết vốn và các cơ quan, đơn vị được phân bổ: theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ số vốn được phân bổ; Giám đốc các sở, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố theo phụ lục kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng chế độ quy định; đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, trình tự, thủ tục theo đúng các quy định hiện hành và phải tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính thông báo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sử dụng ngân sách theo luật định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc các sở, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố theo phụ lục kèm theo Quyết định này; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *meo*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nkguyen.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 2188 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số vốn sự nghiệp được phân bổ		Bao gồm:																		
				Dự án 1. Duy tu bảo dưỡng		Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Tiêu dự án 1. Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp		Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin				Dự án 7. Nâng cao, năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình				
		Tổng cộng	Trong đó:		Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người di lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Tiểu dự án 3. Hỗ trợ làm việc bền vững		Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin		Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		Vốn TW	
			Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng							Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng		Vốn TW
	Tổng	30.005	26.091	3.914	1.800	270	8.314	1.247	3.597	540	5.513	827	72	11	2.760	414	276	41	345	52	3.414	512
1	UBND thành phố Rạch Giá	1.605	1.396	209			475	71	205	30	345	52			194	29			20	3	157	24
2	UBND thành phố Hà Tiên	1.252	1.089	163			366	55	158	24	305	45			124	19			15	2	121	18
3	UBND huyện Kiên Lương	1.395	1.214	181			411	60	178	27	332	50			140	21			17	3	136	20
4	UBND huyện Hòn Đất, trong đó bao gồm:	3.035	2.639	396	600	90	773	116	335	50	413	62			235	35			32	5	251	38
	Xã Thới Sơn, UBND huyện Hòn Đất	690	600	90	600	90																
5	UBND huyện Tân Hiệp	1.890	1.642	248			594	90	257	39	385	58			185	28			25	4	196	29
6	UBND huyện Châu Thành	1.908	1.658	250			594	90	257	39	372	56			214	32			25	4	196	29
7	UBND huyện Giồng Riềng	2.365	2.054	311			754	116	328	49	425	64			267	40			31	5	249	37
8	UBND huyện Gò Quao	2.368	2.059	309			772	116	335	50	425	64			240	36			32	5	255	38
9	UBND huyện An Biên	1.817	1.581	236			548	80	237	36	372	56			221	33			23	3	180	28
10	UBND huyện An Minh	2.060	1.792	268			654	98	282	42	410	62			203	30			27	4	216	32
-11	UBND huyện Vĩnh Thuận	1.777	1.546	231			548	80	237	36	372	56			186	28			23	3	180	28



STT	Đơn vị	Bao gồm:																				
		Tổng số vốn sự nghiệp được phân bổ			Dự án 1. Duy tu bảo dưỡng		Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Tiêu dự án 1. Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp			Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin				Dự án 7. Nâng cao, năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình		
		Tổng cộng	Trong đó:		Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Tiêu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		Tiêu dự án 2. Hỗ trợ người đi lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Tiêu dự án 3. Hỗ trợ làm việc bền vững		Tiêu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin		Tiêu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng
			Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng							Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng	Vốn TW	Vốn ĐP đối ứng		
12	UBND thành phố Phú Quốc	1.279	1.113	166			366	55	158	24	305	45			148	22			15	2	121	18
13	UBND huyện Kiên Hải	1.199	1.043	156			366	55	158	24	305	45			78	12			15	2	121	18
14	UBND huyện U Minh Thượng, trong đó bao gồm:	3.256	2.830	426	1.200	180	590	90	255	38	389	58			186	28			24	4	186	18
a)	Xã Minh Thuận, UBND huyện U Minh Thượng	690	600	90	600	90						0										
b)	Xã An Minh Bắc, UBND huyện U Minh Thượng	690	600	90	600	90						0										
15	UBND huyện Giang Thành	1.614	1.404	210			503	75	217	32	358	54			139	21			21	3	166	25
16	Sở Thông tin và Truyền thông	317	276	41								0					276	41				
17	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	868	755	113								0	72	11							683	102

TIỆN GIÀNH